

BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN ĐA KHOA
TRUNG ƯƠNG QUẢNG NAM
Số: 2234/TB-BV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Nam, ngày 04 tháng 7 năm 2022

THÔNG BÁO MỜI CHÀO GIÁ

Hóa chất – sinh phẩm xét nghiệm

1. Bên mời thầu: Bệnh viện Đa khoa Trung ương Quảng Nam (gọi tắt Bệnh viện)
2. Tên gói thầu: Mua sắm hóa chất sinh phẩm xét nghiệm năm 2022.
3. Hình thức: Chào giá để xây dựng giá kế hoạch mua sắm hóa chất sinh phẩm
4. Thời gian phát hành thông báo: 08 giờ 00 phút ngày 4 tháng 7 năm 2022
5. Địa điểm phát hành: Khoa Dược Bệnh viện Đa khoa Trung ương Quảng Nam
Địa chỉ : Thôn Nam sơn, xã Tam Hiệp, Núi Thành, Quảng Nam.
6. Hình thức phát hành hồ sơ: Đăng trên website Bệnh viện và gửi trực tiếp đến các nhà thầu
7. Yêu cầu cụ thể gói thầu: Phụ lục đính kèm
8. Địa chỉ nhận hồ sơ: Yêu cầu hồ sơ niêm phong gửi về Khoa Dược Bệnh viện Đa khoa Trung ương Quảng Nam
9. Hạn chót nhận hồ sơ (thời điểm đóng thầu): Gửi bản scan trước 10 giờ 00 ngày 7/7/2022 về Gmail: kd.bvtwqn@gmail.com, thanhthaobvtwqnam@gmail.com và bản gốc trước ngày 10/7/2022
10. Thời gian mở báo giá: lúc 10 giờ 05 ngày 7 tháng 7 năm 2022.
11. Địa điểm lập biên bản mở báo giá: Phòng giao ban Khoa Dược Bệnh viện Đa khoa Trung ương Quảng Nam

Bệnh viện kính mời các nhà thầu có đủ điều kiện, năng lực và quan tâm gói thầu trên, gửi báo giá (Kèm theo bảng chào giá hóa chất).

Trong báo giá quý nhà thầu ghi rõ giá sau thuế và bao gồm phí (giá gồm thuế VAT, chi phí bốc vác, vận chuyển và chi phí khác); ghi rõ thông tin nhà thầu số điện thoại giao dịch.

Nơi nhận:

- Nhà thầu (có quan tâm);
- Đăng website Bệnh viện;
- Lưu VT, KD



Lương Tấn Đức

BẢNG GIÁ GIẢ HÓA CHẤT

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa Trung ương Quảng Nam

Tên đơn vị:

Địa chỉ:

Mã số thuế:

**BỆNH VIỆN
ĐA KHOA
TRUNG ƯƠNG
QUẢNG NAM**

/TB-BV ngày /6/2022

Số điện thoại:

STT	Phần	Mã số phẩm	Tên hóa chất	Tên thương mại	Cấu hình, tính năng thông số kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói (mang tính chất tham khảo)	Đơn vị tính	Phần nhóm theo TT 14	Đơn giá	Giá kê khai	Mã kê khai
1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11
I: Danh mục hóa chất xét nghiệm miễn dịch tự động											
1	Phần 1	HCSPAFP C1	AFP Calibrators			6 chai x 4 mL/chai	ml	1			
2		HCSPAFP R2	AFP Reagent kit			Hộp 100 test	test	1			
3	Phần 2	HCSPAMH3	AMH			2x50test/Hộp	test	3			
4		HCSPAMH Q4	AMH QC			3x2x2mL	ml	3			
5		HCSPAMH C5	AMH Calibrators			6x2mL	ml	3			
6	Phần 3	HCSPBNP C6	BNP Calibrators			6x1.5mL/Hộp	ml	1			
7		HCSPBNP Q7	BNP QC Controls			3x2x2.5mL/Hộp	ml	1			
8		HCSPBNP R8	BNP Reagent			2x50test/Hộp	test	1			
9	Phần 4	HCSPCA 129	CA 125 Calibrators			6 chai x 4mL/chai	ml	1			
10		HCSPCA12510	CA125 Reagent kit			Hộp 100 test	test	1			
11	Phần 5	HCSPCA 1511	CA 15-3 Calibrators			6 chai x 4 mL/chai	ml	1			
12		HCSPCA15-12	CA15-3 Reagent kit			Hộp 100 test	test	1			
13	Phần 6	HCSPCA 1913	CA 19-9 Calibrators			6 chai x 4mL/chai	ml	1			
14		HCSPCA19-14	CA19-9 Reagent kit			Hộp 100 test	test	1			
15	Phần 7	HCSPCEA C15	CEA Calibrators			2 chai x 4mL/chai	ml	1			
16		HCSPCEA R16	CEA Reagent kit			Hộp 100 test	test	1			
17	Phần 8	HCSPCK-MB17	CK-MB Calibrators			6x2mL	ml	3			
18		HCSPCK-MB18	CK-MB Reagent			2x50test/Hộp	test	3			
19	Phần 9	HCSPCorti19	Cortisol			2 x 50 test/Hộp	test	1			
20		HCSPCorti20	Cortisol Calibrators			6x4mL/Hộp	ml	1			
21	Phần 10	HCSPEStra21	Estradiol			2x50test/Hộp	test	3			
22		HCSPEStra22	Estradiol Calibrators			4mL+5x2 mL/Hộp	ml	1			
23	Phần 11	HCSPFerri23	Ferritin Calibrators			6x4mL/Hộp	ml	3			
24		HCSPFerri24	Ferritin Reagent			2 x 50 test/Hộp	test	3			
25	Phần 12	HCSPFerri25	Ferritin Calibrators			2 chai x 4 mL/chai	ml	1			
26		HCSPFerri26	Ferritin Reagent kit			Hộp 100 test	test	1			
27	Phần 13	HCSPFree 27	Free T4 Calibrators			6 chai x 4 mL/chai	ml	1			
28		HCSPFree 28	Free T4 Reagent kit			Hộp 100 test	test	1			
29	Phần 14	HCSPFSH29	FSH			2x50test/Hộp	test	1			
30		HCSPFSH C30	FSH Calibrators			6x4mL/Hộp	ml	1			
31	Phần 15	HCSPFT431	FT4			2x50test/Hộp	test	3			
32		HCSPFT4 C32	FT4 Calibrators			6x2.5mL/Hộp	ml	3			
33	Phần 16	HCSPHomoc33	Homocysteine Calibrators			6 chai x 3.6 mL/chai	ml	1			
34		HCSPHomoc34	Homocysteine Reagent kit			Hộp 100 test	test	1			
35	Phần 17	HCSPHS Tr35	HS Troponin I Calibrators			6 chai x 4.0 mL/chai	ml	1			

36		HCSPHigh 36	High Sensitive Troponin-I Reagent		Hộp 100 test	test	1			
37	Phần 18	HCSPHigh 37	High Sensitive Troponin-I Calibrators		3x1.5mL+4x1mL/Hộp	ml	3			
38		HCSPHigh 38	High Sensitive Troponin-I Reagent		2x50test/Hộp	test	3			
39	Phần 19	HCSPInsul39	Insulin Calibrators		6 chai x 4ml/chai	ml	1			
40		HCSPInsul40	Insulin Reagent kit		Hộp 100 test	test	1			
41	Phần 20	HCSPIntac41	Intact PTH (iPTH)		2x50test/Hộp	test	1			
42		HCSPIntac42	Intact PTH (iPTH) Calibrators		2x4mL+6x1mL/Hộp	ml	1			
43	Phần 21	HCSPLH43	LH		2x50test/Hộp	test	1			
44		HCSPLH Ca44	LH Calibrators		6x4mL/Hộp	ml	1			
45	Phần 22	HCSPNT-pr45	NT-proBNP calibrators		6 chai x 4 mL/chai	ml	1			
46		HCSPNT-pr46	NT-proBNP controls		3 chai x 8 mL/chai	ml	1			
47		HCSPNT-pr47	NT-proBNP reagent kit		Hộp 100 test	test	1			
48	Phần 23	HCSPPAPP-48	PAPP-A		2x50test/Hộp	test	3			
49		HCSPPAPP-49	PAPP-A Calibrators		6x1mL/Hộp	ml	3			
50		HCSPPAPP-50	PAPP-A Control		6x2.5mL/Hộp	ml	3			
51	Phần 24	HCSPProca51	Procalcitonin Calibrator		7x2ml	ml	3			
52		HCSPProca52	Procalcitonin Reagent		2x50test/Hộp	test	3			
53	Phần 25	HCSPProca53	Procalcitonin CAL		6x2ml	ml	1			
54		HCSPProca54	Procalcitonin CTRL		Hộp 3 mức nồng độ x 2 lọ x 3 ml mỗi lọ	ml	1			
55		HCSPProca55	Procalcitonin Reagent		Hộp 100 test	test	1			
56	Phần 26	HCSPProge56	Progesterone		2x50test/Hộp	test	1			
57		HCSPProge57	Progesterone Calibrators		4mL+5x2.5mL/Hộp	ml	1			
58	Phần 27	HCSPProla58	Prolactin		2x50test/Hộp	test	1			
59		HCSPProla59	Prolactin Calibrators		4mL+5x2.5mL	ml	1			
60	Phần 28	HCSPstat 60	stat CK-MB Calibrators		6 chai x 3ml/chai	ml	1			
61		HCSPstat 61	stat CK-MB Reagent kit		Hộp 100 test	test	1			
62	Phần 29	HCSPTesto62	Testosterone Calibrator		6x2.5mL/Hộp	ml	1			
63		HCSPTesto63	Testosterone Reagent Kit		2x50test/Hộp	test	1			
64	Phần 30	HCSPTotal64	Total BHCG Calibrators		6 chai x 4 mL/chai	ml	1			
65		HCSPTotal65	Total BHCG Reagent kit		Hộp 100 test	test	1			
66	Phần 31	HCSPTotal66	Total PSA Calibrators		2 chai x 4mL/chai	ml	1			
67		HCSPTotal67	Total PSA Reagent kit		Hộp 100 test	test	1			
68	Phần 32	HCSPTotal68	Total T3 Calibrators		Hộp 6 chai x 4 ml mỗi chai	ml	1			
69		HCSPTotal69	Total T3 Reagent kit		Hộp 100 test	test	1			
70	Phần 33	HCSPTOTAL 70	TOTAL β hCG Calibrators		6x4mL/Hộp	ml	2			
71		HCSPTOTAL 71	TOTAL β hCG		2x50test/Hộp	test	2			
72	Phần 34	HCSPTSH C72	TSH Calibrators		6x2.5mL/Hộp	ml	3			
73		HCSPTSH R73	TSH Reagent		2 x 100 test/Hộp	test	3			
74	Phần 35	HCSPTSH C74	TSH Calibrators		2 chai x 4 mL/chai	ml	1			
75		HCSPTSH R75	TSH Reagent kit		Hộp 100 test	test	1			

76	Phần 36	HCSPTT3 C76	TT3 Calibrators			6x4mL/Hộp	ml	3			
77		HCSPTotal77	Total T3 Reagent			2x50test/Hộp	test	3			
78	Phần 37	HCSPAnti 78	Anti HCV Calibrators			1 chai x 4mL/chai	ml	3			
79		HCSPAnti 79	Anti HCV Controls			2 chai x 8 ml/chai	ml	3			
80		HCSPAnti 80	Anti HCV Reagent kit			Hộp 100 test	test	3			
81	Phần 38	HCSPAnti-81	Anti-HBc IgM Calibrators			Hộp	ml				
82		HCSPAnti-82	Anti-HBc IgM Controls			Hộp	ml				
83		HCSPAnti-83	Anti-HBc IgM Reagent kit			Hộp	test				
84	Phần 39	HCSPAnti-84	Anti-HBe Calibrators			Hộp	ml				
85		HCSPAnti-85	Anti-HBe Controls			Hộp	ml				
86		HCSPAnti-86	Anti-HBe Reagent kit			Hộp	test				
87	Phần 40	HCSPHAVAB 87	HAVAB IgG Calibrators			Hộp	ml				
88		HCSPHAVAB 88	HAVAB IgG Controls			Hộp	ml				
89		HCSPHAVAB 89	HAVAB IgG Reagent kit			Hộp	test				
90	Phần 41	HCSPHAVAB 90	HAVAB IgM Calibrators			Hộp	ml				
91		HCSPHAVAB 91	HAVAB IgM Controls			Hộp	ml				
92		HCSPHAVAB 92	HAVAB IgM Reagent kit			Hộp	test				
93	Phần 42	HCSPHBcAg9 3	HBcAg Calibrators			Hộp	ml				
94		HCSPHBcAg9 4	HBcAg Controls			Hộp	ml				
95		HCSPHBcAg9 5	HBcAg Reagent kit			Hộp	test				
96	Phần 43	HCSPHBgAg 96	HBgAg Quali. Calibrators			2 chai x4ml/chai	ml	3			
97		HCSPHBsAg9 7	HBsAg Qual. Controls			2 chai x 8mL/chai	ml	3			
98		HCSPHBsAg9 8	HBsAg Qual. Reagent kit			Hộp 100 test	test	3			
99	Phần 44	HCSPHIV C99	HIV Combo Calibrators			1 chai x 4mL/chai	ml	3			
100		HCSPHIV C100	HIV Combo Controls			4 chai x 8mL/chai	ml	3			
101		HCSPHIV C101	HIV Combo Reagent kit			Hộp 100 test	test	3			
102	Phần 45	HCSPRubel10 2	Rubella IgG Calibrators			Hộp	ml				
103		HCSPRubel10 3	Rubella IgG Controls			Hộp	ml				
104		HCSPRubel10 4	Rubella IgG Reagent kit			Hộp	test				
105	Phần 46	HCSPRubel10 5	Rubella IgM Calibrators			Hộp	ml				
106		HCSPRubel10 6	Rubella IgM Controls			Hộp	ml				
107		HCSPRubel10 7	Rubella IgM Reagent kit			Hộp	test				
108	Phần 47	HCSPSyphi10 8	Syphilis TP Calibrators			1 chai x 4 mL/chai	ml	1			
109		HCSPSyphi10 9	Syphilis TP Controls			2 chai x 8 mL/chai	ml	1			
110		HCSPSyphi11 0	Syphilis TP Reagent kit			Hộp 100 test	test	1			
111	Phần 48	HCSPAnti 111	Anti HBs Calibrators			Hộp 2x4ml	ml				
112		HCSPAnti 112	Anti HBs Controls			Hộp 3x8ml	ml				
113		HCSPAnti 113	Anti HBs Reagent kit			Hộp 100 test	test				
II: Hóa chất sử dụng cho xét nghiệm sinh hóa tự động											
114	Phần 49	HCSPAmmon 114	Ammonia Control Set (2 levels)			2x5mL(10mL)	ml	3			
115		HCSPAmmon 115	Ammonia Ethanol CO2 calibrator			2x5mL	ml	3			
116		HCSPAmmon 116	Ammonia Ethanol CO2 Control 1			3x5mL	ml	3			
117		HCSPAmmon 117	Ammonia Ethanol CO2 Control 2			3x5mL	ml	3			

118	Phần 50	HCSPAMMO N118	AMMONIA STANDARD			1x5mL	ml	3			
119		HCSPAMMO N119	AMMONIAC (NH3)			5x10mL(50mL)/Hộp	ml	3			
120	Phần 51	HCSPBeta-120	Beta-2 Microglobulin			1x40mL + 1x10mL/Hộp	ml	3			
121		HCSPBeta212 1	Beta2-Microglobulin control			2x1mL/Hộp	ml	3			
122		HCSPBeta212 2	Beta2-Microglobulin Standard			1x1mL/Hộp	ml	3			
123	Phần 52	HCSPCRP L123	CRP LATEX CALIBRATOR (High Sensitive)			Hộp 5x2ml	ml	3			
124		HCSPCRP L124	CRP LATEX CONTROL			2x3ml + 2x3ml	ml	3			
125		HCSPCRP L125	CRP LATEX REAGENT (High Sensitive)			4x30ml+4x30ml/Hộp	ml	3			
126	Phần 53	HCSPHbA1c1 26	HbA1c			2x37.5ml+2x7.5ml+2x34.5ml+5x2ml cal/Hộp	ml	3			
127		HCSPHbA1c1 27	HbA1c Liquid Control			2x1ml+2x1ml/Hộp	ml	6			

III: Danh mục hóa chất xét nghiệm huyết học tự động

128	Phần 54	HCSPCalib12 8	Calibrator			1 x 3.3ml	ml	6			
129		HCSPCell 129	Cell Control			12 x 3.5ml	ml	6			
130		HCSPCell 130	Cell Lyse			can 5L	ml	6			
131		HCSPClean13 1	Cleaner			can 10L	ml	6			
132		HCSPDiff 132	Diff Pak			1900ml + 850 ml	ml	6			
133		HCSPDilue13 3	Diluent			can 10L	ml	6			
134	Phần 55	HCSPDilue13 4	Diluent			20L/thùng	ml	3			
135		HCSPEnzym1 35	Enzymatic Cleaner			Hộp 50ml x 2 hộp	ml	3			
136		HCSPNOC L136	NOC Lyse			3.8L/thùng	ml	3			
137		HCSPRetic13 7	Reticulocyte			Hộp 100 test	test	3			
138		HCSPWBC L138	WBC Lyse			Thùng 3.8 L	ml	3			

IV: Danh mục hóa chất xét nghiệm đông cầm máu tự động

139	Phần 56	HCSPCalib13 9	Calibration Plasma			10 x 1 mL/Hộp	ml	1			
140		HCSPClean14 0	Cleaning Solution			1 x 500 mL/Hộp	ml	1			
141		HCSPClean14 1	Cleaning Agent			1 x 80 mL/Hộp	ml	1			
142		HCSPCuvet14 2	Cuvette			2400 cuvette/Hộp	Cái	3			
143		HCSPD-Dim143	D-Dimer HS			3x4 mL+ 3x6 mL +2x1 mL	ml	1			
144		HCSPD-Dim144	D-Dimer HS controls			5x1 mL+5x1 mL	ml	1			
145		HCSPFacto14 5	Factor diluent			1 x 100 mL/Hộp	ml	1			
146		HCSPYếu t146	Yếu tố IX			10 x 1 mL/Hộp	ml	1			
147		HCSPYếu t147	Yếu tố VIII			10 x 1 mL/Hộp	ml	1			
148		HCSPFibrin14 8	Fibrinogen			10 x2 mL/Hộp	ml	1			
149		HCSPHigh 149	High Abnormal Control Assayed			10 x 1 mL/Hộp	ml	1			
150		HCSPLow A150	Low Abnormal Control Assayed			10 x 1 mL/Hộp	ml	1			
151		HCSPNormal 51	Normal Control Assayed			10 x 1 mL/Hộp	ml	1			
152		HCSPProth15 2	Prothrombin (PT)			5 x 8 mL+5 x 8 mL	ml	1			
153		HCSPRinse15 3	Rinse Solution			1 x 4000 mL/Bình	ml	1			
154		HCSPAPTTI 54	APTT			5 x10 mL+5 x10 mL/Hộp	ml	1			

155		HCSPTThrom155	Thrombin Time (TT)			4x2 mL+1 x9 mL/Hộp	ml	1				
V: Hóa chất xét nghiệm huyết thanh học nhóm máu												
156	Phần 57	HCSPAAGH156	AGH (Coombs) test card			24 card / hộp (6 test/card)	card	6				
157		HCSPCard157	Card chéo môi trường muối Neutral Card			24 card / hộp (6 test/card)	card	6				
158		HCSPCard158	Card định nhóm máu bằng 2 phương pháp ABO/Rho(D) Forward and Reverse Grouping and Auto Control			24 card / hộp (1 test/card)	card	6				
159		HCSPCard159	Card định nhóm máu cho trẻ sơ sinh -ABO/Rho(D)/AHG Neonate Card			24 card / hộp (1 test/card)	card	6				
160		HCSPDilue160	Diluent LISS			Chai 250ml	ml	6				
161		HCSPCard161	Card chéo (Crossmatch Card)			24 card / hộp (1 test/card)	card	6				
VI: Hóa chất sử dụng cho xét nghiệm miễn dịch tự động												
162	Phần 58	HCSPCitra162	Citranox			1 gallon = 3.785 lít/ bình	ml	3				
163	Phần 59	HCSPConce163	Concentrated Wash Buffer			4 chai x 975mL/chai	ml	3				
164	Phần 60	HCSPContr164	Contrad 70			1L/Bình	ml	3				
165	Phần 61	HCSPIMMU N165	IMMUNUNOASSAY CONTROL PREMIUM PLUS TRI-LEVEL			12x5mL/Hộp	ml	3				
166	Phần 62	HCSPNỘI k166	Nội kiểm tìm mạch đông khô mức 1,2,3			3x2 mL/Hộp	ml	3				
167	Phần 63	HCSPNỘI k167	Nội kiểm tìm mạch đông khô mức 1,2,3			3x2 mL/Hộp	ml	3				
168	Phần 64	HCSPNỘI k168	Nội kiểm tìm mạch đông khô mức 1,2,3			3x2 mL/Hộp	ml	3				
169	Phần 65	HCSPPre-T169	Pre-Trigger Solution			4 chai x 975mL/chai	ml	3				
170	Phần 66	HCSPProbe170	Probe conditioning solution			4 chai x 25mL/chai	ml	3				
171	Phần 67	HCSPReact171	Reaction vessels			4000 cái	Cái	6				
172	Phần 68	HCSPReact172	Reaction vessels			1000 cái/Túi	Cái	3				
173	Phần 69	HCSPRepla173	Replacement caps			Hộp/100 cái	Cái	6				
174	Phần 70	HCSPSamp174	Sample Cup, 0.5mL			Túi x 1000 cái	Cái	3				
175	Phần 71	HCSPSamp175	Sample Cup, 2.0mL			Túi x 1000 cái	Cái	3				
176	Phần 72	HCSPSamp176	Sample Cup, 3mL			Túi x 1000 cái	Cái	3				
177	Phần 73	HCSPSamp177	Sample cups			Hộp 1000 cái	Cái	6				
178	Phần 74	HCSPSeptu178	Septum			Thùng x 200 cái	Cái	6				
179	Phần 75	HCSPSubst179	Substrate			4x130ml	ml	1				
180	Phần 76	HCSPSyste180	System Check Solution			6 x 4ml	ml	3				
181	Phần 77	HCSPTrigg181	Trigger solution			4 chai x 975 mL/chai	ml	3				
182	Phần 78	HCSPTri-I182	Tri-level Cardiac Control			3x2mL/Hộp	ml	3				
183	Phần 79	HCSPtUMO U183	TUMOUR MARKERS CONTROL LEVEL 2			3x2 mL/Hộp	ml	3				
184	Phần 80	HCSPtUMO U184	TUMOUR MARKERS CONTROL LEVEL 3			3x2 mL/Hộp	ml	3				
185	Phần 81	HCSPWash 185	Wash Buffer II			10L/Hộp	ml	4				
VII: Hóa chất sử dụng cho xét nghiệm sinh hóa tự động												
186	Phần 82	HCSPALANI 186	ALANINE AMINOTRANSFERASE (ALT/GPT)			4x50ml+4x25mL/Hộp	ml	1				
187	Phần 83	HCSPALBU M187	ALBUMIN			4x29mL/Hộp	ml	1				
188	Phần 84	HCSPALCO H188	ALCOHOL (ETHANOL)			2x20+2x7mL	ml	3				
189	Phần 85	HCSPAMYL A189	AMYLASE			4x40mL/Hộp	ml	1				

190	Phần 86	HCSPASPAR 190	ASPARTATE AMINOTRANSFERASE (AST/GOT)			4x25ml+4x25ml/ Hộp	ml	1			
191	Phần 87	HCSPCALCI 191	CALCIUM (ARSENATO)			4x29ml/Hộp	ml	1			
192	Phần 88	HCSPCHOLE 192	CHOLESTEROL			4x45ml/Hộp	ml	1			
193	Phần 89	HCSPCHOLI 193	CHOLINESTERASE			4x30ml+4x6ml/H ộp	ml	3			
194	Phần 90	HCSPCLEAN 194	CLEANING SOLUTION			450ml/Bình	ml	3			
195	Phần 91	HCSPCONTR 195	CONTROL SERUM LEVEL 1			1x5ml/lọ	ml	3			
196	Phần 92	HCSPCONTR 196	CONTROL SERUM LEVEL 2			1x5ml/lọ	ml	3			
197	Phần 93	HCSPCREAT 197	CREATININE			4x51ml+4x51ml/ Hộp	ml	1			
198	Phần 94	HCSPDIREC 198	DIRECT BILIRUBIN			4x20ml+4x20ml/ Hộp	ml	1			
199	Phần 95	HCSPGAMM A199	GAMMA- GLUTAMYLTRANSFE RASE (GGT IFCC)			4x40ml+4x40ml/ Hộp	ml	3			
200	Phần 96	HCSPGLUC O200	GLUCOSE			4x53ml+4x27ml/ Hộp	ml	1			
201	Phần 97	HCSPHDL/L2 01	HDL/LDL- CHOLESTEROL CONTROL			3x5ml + 3x5ml	ml	4			
202	Phần 98	HCSPHDL- C202	HDL-CHOLESTEROL			4x51.3ml+4x17.1 ml/Hộp	ml	3			
203	Phần 99	HCSPHDL- C203	HDL-CHOLESTEROL CALIBRATOR			2x3ml/Hộp	ml	3			
204	Phần 100	HCSPHemol2 04	Hemolyzing Reagent			1000ml/Hộp	ml	3			
205	Phần 101	HCSPInorg20 5	Inorganic Phosphorus			4x40ml+4x40ml/ Hộp	ml	1			
206	Phần 102	HCSPIRON20 6	IRON			4x15ml+4x15ml/ Hộp	ml	1			
207	Phần 103	HCSPISE B207	ISE BUFFER			4x2000ml/Hộp	ml	3			
208	Phần 104	HCSPISE M208	ISE MID STD			4x2000ml/Hộp	ml	3			
209	Phần 105	HCSPISE N209	ISE Na+/K+ Selectivity Check			2x25ml	ml	3			
210	Phần 106	HCSPISE R210	ISE REFERENCE SOLUTION			4x1000ml/Hộp	ml	3			
211	Phần 107	HCSPISE S211	ISE STD HIGH			100ml/lọ	ml	3			
212	Phần 108	HCSPISE S212	ISE STD LOW			100ml/lọ	ml	3			
213	Phần 109	HCSPLACTA 213	LACTATE			4x10mlR1+4x1yo/ Hộp	ml	3			
214	Phần 110	HCSPLDL- C214	LDL-CHOLESTEROL			4x51.3ml + 4x17.1ml	ml	3			
215	Phần 111	HCSPLDL- C215	LDL-CHOLESTEROL CALIBRATOR			2x1ml/Hộp	ml	3			
216	Phần 112	HCSPLIH216	LIH			16x48mL	ml	1			
217	Phần 113	HCSPMAGN E217	MAGNESIUM			4x40ml/Hộp	ml	1			
218	Phần 114	HCSPProte21 8	Protein (Urine)			5x50mL+ 1x5mL/Hộp	ml	3			
219	Phần 115	HCSPSYSTE 219	SYSTEM CALIBRATOR			1x5ml/lọ	ml	3			
220	Phần 116	HCSPTOTAL 220	TOTAL BILIRUBIN			4x40ml+4x40ml/ Hộp	ml	1			
221	Phần 117	HCSPTOTAL 221	TOTAL PROTEIN			4x48ml+4x48ml/ Hộp	ml	1			
222	Phần 118	HCSPTRANS 222	TRANSFERRIN			4x7ml+4x8ml/Hộ p	ml	1			

223	Phần 119	HCSPTRIGL 223	TRIGLYCERIDES		4x50ml+4x12.5ml/Hộp	ml	1			
224	Phần 120	HCSPUREA/24	UREA/BUN		4x53ml+4x53ml/Hộp	ml	1			
225	Phần 121	HCSPURIC 225	URIC ACID		4x42.3ml+4x17.7ml/Hộp	ml	1			
226	Phần 122	HCSPURINA 226	URINARY/CSF PROTEIN		4x19ml + 1x3ml	ml	1			
227	Phần 123	HCSPWASH 227	WASH SOLUTION		1x5l/Can	ml	1			

VIII: Hóa chất xét nghiệm huyết thanh học nhóm máu

228	Phần 124	HCSPAnti 228	Anti A		10ml/lọ	ml	6			
229	Phần 125	HCSPAnti 229	Anti AB		10ml/lọ	ml	6			
230	Phần 126	HCSPAnti 230	Anti B		10ml/lọ	ml	6			
231	Phần 127	HCSPAnti 231	Anti D (IgG)		10ml/lọ	ml	6			
232	Phần 128	HCSPAnti 232	Anti D (IgM)		10ml/lọ	ml	6			
233	Phần 129	HCSPAnti 233	Anti D (IgM + IgG)		Lọ 10ml	ml	6			
234	Phần 130	HCSPAnti 234	Anti Human Globulin		10ml/lọ	ml	6			
235	Phần 131	HCSPThẻ d235	Thẻ định nhóm máu đầu giường trước truyền máu		Hộp 100 card/(2 test/card)	test	6			

IX: Hóa chất phù hợp với máy đếm hồng cầu tự động Linear

236	Phần 132	HCSPTapva2 36	Tapval Linear Tube(Plus Sed Auto)		Thùng 600 tube	tube	6			
-----	----------	---------------	-----------------------------------	--	----------------	------	---	--	--	--

X: Hóa chất phù hợp với máy phân tích HbA1c theo nguyên lý sắc ký lỏng

237	Phần 133	HCSPLypho2 37	Lyphocek Diabetes Control, Bilevel		6 lọ x 0.5ml	ml	1			
238	Phần 134	HCSPBộ h238	Bộ hóa chất Reorder Pack cho xét nghiệm HbA1c		Buffer 1: 2 can x 2000ml Buffer 2: 1000 mL Wash/Diluent Solution: 1600 mL Calibrator/Diluent Set	ml	1			

XI: Hóa chất phù hợp với máy phân tích khí máu Gastat

239	Phần 135	HCSPCal C239	Cal Cassette		2 chai/hộp 450mL/chai	ml	3			
240	Phần 136	HCSPFlush24 0	Flush		Hộp x 3 bình, 550mL/bình	ml	1			
241	Phần 137	HCSPFlush24 1	Flush		600ml/bình	ml	3			
242	Phần 138	HCSPGASTA 242	GASTAT-700 CAL Cartridge		Hộp x 2 bình, 650mL/bình	ml	1			
243	Phần 139	HCSPGastr24 3	Gastrol TRI level (pH,PCO2,PO2)		36 lọ/hộp 36 x 3.0mL	ml	3			

XII: Hóa chất máy xét nghiệm nước tiểu tự động hoàn toàn

244	Phần 140	HCSPLiquid24 4	Liquid Urinalysis Control		12x12 mL/Hộp	ml	6			
245	Phần 141	HCSPQue t245	Que thử nước tiểu (Labstrip U11 Plus GL)		150 que/Hộp	Que	3			
246	Phần 142	HCSPQue t246	Que thử nước tiểu 11 thông số		150 que/Hộp	Que	3			

XIII: Hóa chất máy định danh tự động Phoenix M50

247	Phần 143	HCSPCanh 247	Canh trường định danh - id broth		100 ống/hộp, 4.5ml/ống	Ống	1			
248	Phần 144	HCSPCanh 248	Canh trường làm kháng sinh đồ dành cho liên cầu khuẩn ast-s broth		100 ống/hộp, 8ml/ống	test	1			
249	Phần 145	HCSPCanh 249	Canh trường làm kháng sinh đồ-ast broth		100ống/hộp, 8ml/ống	test	1			
250	Phần 146	HCSPChi t250	Chỉ thị kháng sinh đồ ast indicator		6ml/lọ, 100 test/lọ, 10 lọ/hộp	Hộp	1			
251	Phần 147	HCSPChi t251	Chỉ thị kháng sinh đồ cho liên cầu khuẩn ast-s indicator		6ml/lọ, 100 test/lọ, 10 lọ/hộp	Hộp	1			
252	Phần 148	HCSPThẻ d252	Thẻ định danh gram âm		Hộp 25 test	test	1			
253	Phần 149	HCSPThẻ d253	Thẻ định danh gram dương		Hộp 25 test	test	1			

254	Phần 150	HCSPTê d254	Thẻ định danh nấm men			Hộp 25 test	test	1			
255	Phần 151	HCSPTê d255	Thẻ định danh và kháng sinh đồ Gram âm			Hộp 25 test	test	1			
256	Phần 152	HCSPTê d256	Thẻ định danh và kháng sinh đồ Gram dương			Hộp 25 test	test	1			
257	Phần 153	HCSPTê d257	Thẻ định danh và kháng sinh đồ liên cầu khuẩn			Hộp 25 test	test	1			
258	Phần 154	HCSPTê k258	Thẻ kháng sinh đồ gram âm			Hộp 25 test	test	1			
259	Phần 155	HCSPTê k259	Thẻ kháng sinh đồ gram dương			Hộp 25 test	test	1			
XIV			Hóa chất nha khoa								
260	Phần 156	HCSPAmalg260	Amalgam			Lọ 30 g	mg	6			
261	Phần 157	HCSPArsen261	Arsenic (Thuốc diệt tủy)			Lọ 3g	gam	6			
262	Phần 158	HCSPCalci262	Calci Hydroxide			Lọ 11g	gam	6			
263	Phần 159	HCSPCemen263	Cement trám			Lọ 15g	mg	6			
264	Phần 160	HCSPChất264	Chất hàn răng			ống 4,5ml	Ống	6			
265	Phần 161	HCSPCMC1265	CMC 10ml			Lọ 10ml	ml	6			
266	Phần 162	HCSPCompo266	Composite đặc màu A2			tube 3,5g	mg	6			
267	Phần 163	HCSPCompo267	Composite đặc màu A3			tube 3,5g	mg	6			
268	Phần 164	HCSPCompo268	Composite đặc màu A3.5			tube 3,5g	mg	6			
269	Phần 165	HCSPCompo269	Composite lỏng màu A3			tube 1,5g	mg	6			
270	Phần 166	HCSPCorti270	Cortisomol			Lọ 25g	mg	6			
271	Phần 167	HCSPEugen271	Eugenol			Lọ 30ml	ml	6			
272	Phần 168	HCSPKẽm272	Kẽm oxid (Nha khoa)			Lọ 500gram	gam	6			
273	Phần 169	HCSPThuốc273	Thuốc đánh bóng răng			Hộp 200 cái	cái	6			
274	Phần 170	HCSPThuốc274	Thuốc rửa phim			2 can/ bộ	Bộ	6			
275	Phần 171	HCSPTHủy275	Thủy Ngân (Nha khoa)				mg	6			

XV: Hóa chất nội kiểm

276	Phần 172	HCSPMẫu n276	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm dấu ấn ung thư, dạng đông khô, mức nồng độ 1			6 x 2 ml	ml	1			
277	Phần 173	HCSPMẫu n277	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm dấu ấn ung thư, dạng đông khô, mức nồng độ 2			6 x 2 ml	ml	1			
278	Phần 174	HCSPMẫu n278	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm dấu ấn ung thư, dạng đông khô, mức nồng độ 3			6 x 2 ml	ml	1			
279	Phần 175	HCSPMẫu n279	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm Ethanol và Ammoniac, dạng dung dịch, mức nồng độ 1			6 x 3 ml	ml	1			
280	Phần 176	HCSPMẫu n280	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm Ethanol và Ammoniac, dạng dung dịch, mức nồng độ 2			6 x 3 ml	ml	1			
281	Phần 177	HCSPMẫu n281	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm Ethanol và Ammoniac, dạng dung dịch, mức nồng độ 3			6 x 3 ml	ml	1			
282	Phần 178	HCSPMẫu n282	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm hóa sinh thường quy, dạng đông khô, mức nồng độ 1			12 x 5 ml	ml	1			

283	Phần 179	HCSPMẫu n283	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm hóa sinh thường quy, dạng đông khô, mức nồng độ 2			12 x 5 ml	ml	1			
284	Phần 180	HCSPMẫu n284	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm miễn dịch thường quy, dạng đông khô, mức nồng độ 1			12 x 5 ml	ml	1			
285	Phần 181	HCSPMẫu n285	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm miễn dịch thường quy, dạng đông khô, mức nồng độ 2			12 x 5 ml	ml	1			
286	Phần 182	HCSPMẫu n286	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm miễn dịch thường quy, dạng đông khô, mức nồng độ 3			12 x 5 ml	ml	1			

XVI: Hóa chất thông thường

287	Phần 183	HCSPAccuL2 87	AccuLite Reverse Transcription - Diethyl dicarbonate (RT-qPCR: mix HCV)			Bộ/ 50 test					
288	Phần 184	HCSPAccuR2 88	AccuRive HPV ProcSample Kit			Bộ/ 50 test	test	0			
289	Phần 185	HCSPAccuR2 89	AccuRive Mag DNA/RNA PrepKit (KFmL)				test	Không áp dụng			
290	Phần 186	HCSPAccuR2 90	AccuRive pDNA Prep Kit			Bộ/ 50 test	test	0			
291	Phần 187	HCSPAccuR2 91	AccuRive pRNA Prep Kit			Bộ/ 50 test	test	0			
292	Phần 188	HCSPAcid 292	Acid acetic			Lọ 500 ml	ml	6			
293	Phần 189	HCSPAcid 293	Acid citric			Chai/1 kg	kg	6			
294	Phần 190	HCSPAcid 294	Acid Clohydric			Lọ 500 ml	ml	6			
295	Phần 191	HCSPAcid 295	Acid Formic			Lọ 500 ml	ml	6			
296	Phần 192	HCSPAnti- 296	Anti-HAV			Hộp 100 test	Test	1			
297	Phần 193	HCSPAnti- 297	Anti-HBe			Hộp 100 test	Test	1			
298	Phần 194	HCSPAnti- 298	Anti-human Globulin (AHG)			Hộp x 10ml/lọ	ml	3			
299	Phần 195	HCSPASSAY 299	ASSAYED CHEMISTRY CONTROL PREMIUM PLUS LEVEL 2			20x5ml	ml	3			
300	Phần 196	HCSPASSAY 300	ASSAYED CHEMISTRY CONTROL PREMIUM PLUS LEVEL 3			20x5ml	ml	3			
301	Phần 197	HCSPBộ hồ301	Bộ hóa chất nhuộm PAS			3 lọ x 500ml	Bộ	6			
302	Phần 198	HCSPBộ hồ302	Bộ hồng cầu mẫu ABO			10ml/lọ x 3 lọ	ml	5			
303	Phần 199	HCSPBộ nh303	Bộ nhuộm Gram			Bộ/4 chai 100	Bộ	6			
304	Phần 200	HCSPBộ nh304	Bộ nhuộm Ziehl Neelsen			Bộ	Bộ	5			
305	Phần 201	HCSPBôm C305	Bôm Canada (gắn lam kính)			Lọ/500ml	ml	6			
306	Phần 202	HCSPChai 306	Chai cấy máu PLUS AEROBIC			Hộp/ 50chai	Chai	3			
307	Phần 203	HCSPChlor30 7	Chloramin B			Thùng 25 kg	kg	6			
308	Phần 204	HCSPChrom3 08	Chromagar bột			Lọ 500g	gam	6			
309	Phần 205	HCSPClean30 9	Cleaning Tool			10 x 3,5 mL + 2 integrated	ml	3			
310	Phần 206	HCSPCMV I310	CMV IgG II			Hộp 100 test	Test	1			
311	Phần 207	HCSPCMV I311	CMV IgM II			Hộp 100 test	Test	1			
312	Phần 208	HCSPCồn 7312	Cồn 70 độ				ml	5			
313	Phần 209	HCSPCồn 9313	Cồn 90 độ				ml	5			

314	Phần 210	HCSPCồn B314	Cồn Boric			Lọ 500 ml	ml	6			
315	Phần 211	HCSPCồn t315	Cồn tuyệt đối			500 - 710 microns	ml	6			
316	Phần 212	HCSPCống 316	Cống phân ứng			1800 cái	Cái	3			
317	Phần 213	HCSPContr317	Control Trachomatis IgA			2x0.8ml+2x0.8ml	ml	1			
318	Phần 214	HCSPContr318	Control Trachomatis IgG			2x0.8ml+2x0.8ml	ml	1			
319	Phần 215	HCSPContr319	Control Anti-HAV			2x3.5ml+2x3.5ml	ml	1			
320	Phần 216	HCSPContr320	Control Anti-HBc			2x4ml+2x1.8ml	ml	1			
321	Phần 217	HCSPContr321	Control CMV IgG II			2x0.9ml+2x0.9ml	ml	1			
322	Phần 218	HCSPContr322	Control CMV IgM II			2x0.8ml+2x0.8ml	ml	1			
323	Phần 219	HCSPContr323	Control HBeAg			2x4ml+2x3.5ml	ml	1			
324	Phần 220	HCSPContr324	Control HSV-1/2 IgG			2x1.3ml+2x1.3ml	ml	1			
325	Phần 221	HCSPContr325	Control HSV-1/2 IgM			2x1.2ml+2x1.2ml	ml	1			
326	Phần 222	HCSPContr326	Control Measles IgG			2x0.7ml+2x0.7ml	ml	1			
327	Phần 223	HCSPContr327	Control Measles IgM			2x0.7ml+2x0.7ml	ml	1			
328	Phần 224	HCSPContr328	Control Mumps IgG			2x0.7ml+2x0.7ml	ml	1			
329	Phần 225	HCSPContr329	Control Mumps IgM			2x0.7ml+2x0.7ml	ml	1			
330	Phần 226	HCSPContr330	Control Toxo IgG II			2x0.6ml+2x0.6ml	ml	1			
331	Phần 227	HCSPContr331	Control Toxo IgM			2x0.7ml+2x0.7ml	ml	1			
332	Phần 228	HCSPContr332	Control VZV IgG			2x0.7ml+2x0.7ml	ml	1			
333	Phần 229	HCSPContr333	Control VZV IgM			2x0.7ml+2x0.7ml	ml	1			
334	Phần 230	HCSPCRP (334)	CRP (C-Reactive Protein)			4 x 60mL+4 x 15mL	ml	3			
335	Phần 231	HCSPCRP/C335	CRP/CRP-hs Standard			1x1mL	ml	3			
336	Phần 232	HCSPCTNK 336	CTNK HbA1c (HbA1c Programme)			6 x 0.5 ml	ml	6			
337	Phần 233	HCSPCTNK 337	CTNK Miễn Dịch (Immunoassay Programme)			6 x 5 ml	ml	6			
338	Phần 234	HCSPCTNK 338	CTNK Niệu (Urinalysis)			3 x 12 ml	ml	6			
339	Phần 235	HCSPCTNK 339	CTNK Sinh Hóa (Monthly General Clinical Chemistry Programme)			6 x 5 ml	ml	6			
340	Phần 236	HCSPCTNK 340	CTNK Tim mạch (Liquid Cardiac)			6 x 3 ml	ml	6			
341	Phần 237	HCSPDầu P341	Dầu Paraffin			Chai 500ml	ml	6			
342	Phần 238	HCSPDầu P342	Dầu Paraffin tiết trùng			Ống nhựa 10ml	ống				
343	Phần 239	HCSPDầu s343	Dầu soi kính			Chai/25 ml	ml	6			
344	Phần 240	HCSPDầu x344	Dầu xịt dụng cụ trước khi tiết trùng			Lọ 300ml	Lọ	6			
345	Phần 241	HCSPĐịnh 345	Định lượng HBeAg			Hộp 100 test	Test	1			
346	Phần 242	HCSPDispo346	Disposable Tips			576 cái	Cái	3			
347	Phần 243	HCSPĐộ đy347	Độ đục chuẩn 0.5 Mc F			Ống 5ml	Ống	5			
348	Phần 244	HCSPDung 348	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao dụng cụ y tế			Can 5 L	ml	5			
349	Phần 245	HCSPDung 349	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao dụng cụ y tế			Can 5 L	ml	5			
350	Phần 246	HCSPDung 350	Dung dịch khử khuẩn mức độ trung bình dụng cụ y tế			Chai 1 lít	ml	5			

351	Phần 247	HCSPDung 351	Dung dịch khử khuẩn mức độ trung bình dụng cụ y tế			Can 5 lít	ml	5			
352	Phần 248	HCSPDung 352	Dung dịch làm sạch dụng cụ y tế			Chai 1 lít	ml				
353	Phần 249	HCSPDung 353	Dung dịch làm sạch dụng cụ y tế			Can 5 lít	ml				
354	Phần 250	HCSPDung 354	Dung dịch Lazarus			Chai 500ml	ml	6			
355	Phần 251	HCSPDung 355	Dung dịch lọc máu dùng trong thận nhân tạo (bicarbonat hoặc acetat)			Can /10 lít	Can				
356	Phần 252	HCSPDung 356	Dung dịch lọc máu dùng trong thận nhân tạo (bicarbonat hoặc acetat)			Can /10 lít	Can				
357	Phần 253	HCSPDung 357	Dung dịch Lugol			Chai 500ml	ml	5			
358	Phần 254	HCSPDung 358	Dung dịch Marciano			Chai 500ml	ml	6			
359	Phần 255	HCSPDung 359	Dung dịch rửa tay phẫu thuật.			Can 5 lít	ml	6			
360	Phần 256	HCSPDung 360	Dung dịch rửa tay sát khẩn dùng trong khám bệnh, thực hiện phẫu thuật, thủ thuật, xét nghiệm các loại, dạng cồn (không rửa lại với nước)			Chai 500ml/ Thùng 12 chai	Chai				
361	Phần 257	HCSPDung 361	Dung dịch rửa tay sát khẩn dùng trong khám bệnh, thực hiện phẫu thuật, thủ thuật, xét nghiệm các loại, dạng cồn (không rửa lại với nước)			Can 5 lít/ thùng 4 can	Can				
362	Phần 258	HCSPDung 362	Dung dịch rửa tay sát khẩn dùng trong khám bệnh, thực hiện phẫu thuật, thủ thuật, xét nghiệm các loại, dạng cồn (không rửa lại với nước)			Lọ 500mL có vòi bơm	Lọ				
363	Phần 259	HCSPDung 363	Dung dịch rửa, khử trùng quá lọc			Can x 5lit	Can				
364	Phần 260	HCSPDung 364	Dung dịch sát khuẩn bề (dạng phun sương)			Can 5 lít/ thùng 4 can	Can				
365	Phần 261	HCSPDung 365	Dung dịch sát khuẩn khử trùng dụng cụ, trang thiết bị y tế			Gói/ 25gr	Gói				
366	Phần 262	HCSPDung 366	Dung dịch tẩm sát khuẩn			Chai 100ml/ Thùng 20 chai	Chai				
367	Phần 263	HCSPDung 367	Dung dịch xử lý màng bám biofilm trên dụng cụ inox, không ăn mòn dụng cụ			Bộ gồm (2 chai 750 ml)	Bộ	6			
368	Phần 264	HCSPDung 368	Dung dịch xử lý oxi hóa và ri sét trên dụng cụ inox, không ăn mòn dụng cụ			Bộ gồm (2 chai 750 ml)	Bộ	6			
369	Phần 265	HCSPEA- 50369	EA-50			Chai 500ml	ml	6			
370	Phần 266	HCSPElisa370	Elisa huyết thanh Amipe (Amipe huyết thanh)			96 test/ hộp	test	6			
371	Phần 267	HCSPElisa371	Elisa huyết thanh giun, đầu gai (Gnathostoma)			96 test/ hộp	test	5			
372	Phần 268	HCSPElisa372	Elisa huyết thanh Giun đũa (Arcaris lumbricoides)			96 test/ hộp	test	6			
373	Phần 269	HCSPElisa373	Elisa huyết thanh Giun đũa chó (Toxocara canis)			96 test/ hộp	test	5			
374	Phần 270	HCSPElisa374	Elisa huyết thanh Giun lươn (Strongyloides stercoralis)			96 test/ hộp	test	5			
375	Phần 271	HCSPElisa375	Elisa huyết thanh Sán lá gan lớn (Fasciola sp)			96 test/ hộp	test	5			

376	Phần 272	HCSPElisa376	Elisa huyết thanh Sán lợn (Cysticercus cellulosae)		96 test/ hộp	test	6			
377	Phần 273	HCSPEzym377	Enzyme Protease + chất tẩy rửa		Can 1 lít	ml	6			
378	Phần 274	HCSPEosin378	Eosin		6 lọ/hộp	Hộp	6			
379	Phần 275	HCSPEthan379	Ethanol (Sử dụng trong tách chiết)		Chai 2.5 lít	ml	6			
380	Phần 276	HCSPEform380	Formol		Chai 1000 ml	Lít	6			
381	Phần 277	HCSPEgel381	Gel điện nã			Hộp	6			
382	Phần 278	HCSPEgel382	Gel KY		Tube 82g	tube	6			
383	Phần 279	HCSPEgel383	Gel siêu âm		Can x 5lít	Can	5			
384	Phần 280	HCSPEgiem384	Giêm sa mẹ		Chai 1000 ml	ml	5			
385	Phần 281	HCSPEgluta385	Glutaraldehyde		Can 5 lít	ml	6			
386	Phần 282	HCSPEhemat386	Hematoxylin		Hộp 12 lọ	Hộp	6			
387	Phần 283	HCSPEHSV-1387	HSV-1/2 IgG		Hộp 100 test	Test	1			
388	Phần 284	HCSPEHSV-1388	HSV-1/2 IgM		Hộp 100 test	Test	1			
389	Phần 285	HCSPEimmun389	Immunoassay Control Premium Plus Level 1		12 x 5ml	ml	3			
390	Phần 286	HCSPEimmun390	Immunoassay Control Premium Plus Level 2		12 x 5ml	ml	3			
391	Phần 287	HCSPEimmun391	Immunoassay Control Premium Plus Level 3		12 x 5ml	ml	3			
392	Phần 288	HCSPEjaven392	Javen		Can 30 lít	Lít	6			
393	Phần 289	HCSPEkitA393	Kit AccuPit HBV Quantification		Bộ/ 50 test	test	6			
394	Phần 290	HCSPEkitA394	Kit AccuPit HCV Quantification		Bộ/ 50 test	test	6			
395	Phần 291	HCSPEkitA395	Kit AccuPit HPV-HR Genotyping		Bộ/ 50 test	test	6			
396	Phần 292	HCSPEkovac396	Kovacs - 100ml		Lọ 100ml	Lọ	5			
397	Phần 293	HCSPElight397	Light Check 12		12x2ml	ml	3			
398	Phần 294	HCSPEmeas1398	Measles IgG		Hộp 100 test	Test	1			
399	Phần 295	HCSPEmeas1399	Measles IgM		Hộp 50 test	Test	1			
400	Phần 296	HCSPEminic400	Minicollect 0.5ml Lithium Heparin		100 ống/khay	Ống	4			
401	Phần 297	HCSPEmumps401	Mumps IgG		Hộp 100 test	Test	1			
402	Phần 298	HCSPEmumps402	Mumps IgM		Hộp 50 test	Test	1			
403	Phần 299	HCSPEmuoi403	Muối tinh		Gói 1kg	kg	5			
404	Phần 300	HCSPEmuoi404	Muối viên tinh khiết dùng trong lọc nước		Bao 25kg, NaCl chứa > 99.5%	kg	6			
405	Phần 301	HCSPEong405	Ống huyết học K3 EDTA 2ml		Hộp 50 ống	Ống	4			
406	Phần 302	HCSPEong406	Ống đông máu sodium citrate 3,2% 2ml		1 x 50 ống	Ống	5			
407	Phần 303	HCSPEong407	Ống huyết học K2 EDTA 2ml		Hộp 100 ống	Ống	6			
408	Phần 304	HCSPEong408	Ống huyết học K2 EDTA 6ml		Hộp 100 ống	Ống	5			
409	Phần 305	HCSPEong409	Ống lấy máu chân không 4ml có chất chống đông Lithium Heparin		Túi 50 ống	Ống	4			
410	Phần 306	HCSPEong410	Ống Lithium Heparin (ống chân không)		Hộp 100 ống	Ống	5			
411	Phần 307	HCSPEong411	Ống nghiệm chống tiêu đường NaF		Hộp 100 ống	Ống	5			
412	Phần 308	HCSPEong412	Ống nghiệm huyết học EDTA 0.5ml		Hộp 100 ống	Ống	5			
413	Phần 309	HCSPEparaf413	Paraffin tinh khiết			kg	3			

414	Phần 310	HCSPRIQAS 414	RIQAS Blood Gas (CTNK Khí Máu)			Hộp/6 x 1.8 ml	ml	6			
415	Phần 311	HCSPSáp o415	Sáp ong				gam	6			
416	Phần 312	HCSPStart416	Starter Kit			3x230ml+3x230 ml	ml	3			
417	Phần 313	HCSPTest 417	Test đường huyết mao mạch			Hộp 50 test	test	6			
418	Phần 314	HCSPThinp418	Thinprep				Lọ	6			
419	Phần 315	HCSPThuốc419	Thuốc thử Kovacs			Tube/2 ml	tube	5			
420	Phần 316	HCSPThuốc420	Thuốc thử Methyl red			Tube/2 ml	tube	5			
421	Phần 317	HCSPThuốc421	Thuốc thử NIT1 (NITRITE)			Tube/2 ml	tube	5			
422	Phần 318	HCSPThuốc422	Thuốc thử Pandy 500ml			Chai 500ml	ml	6			
423	Phần 319	HCSPThuốc423	Thuốc thử VP1 (KOH)			Tube/2 ml	tube	5			
424	Phần 320	HCSPThuốc424	Thuốc thử VP2 (a-Naphtol)			Tube/2 ml	tube	5			
425	Phần 321	HCSPToxo 425	Toxo IgG II			Hộp 100 test	Test	1			
426	Phần 322	HCSPToxo 426	Toxo IgM			Hộp 100 test	Test	1			
427	Phần 323	HCSPTrach427	Trachomatis IgA			Hộp 100 test	Test	1			
428	Phần 324	HCSPTrach428	Trachomatis IgG			Hộp 100 test	Test	1			
429	Phần 325	HCSPViên 429	Viên khử khuẩn bề mặt, đồ vải, đồ thủy tinh và các thiết bị phòng mổ, phòng sinh, phòng bệnh			Hộp 100 viên x 2.5g	viên	6			
430	Phần 326	HCSPVôi S430	Vôi Soda (Soda lime)			Lọ 500gram	Lọ	5			
431	Phần 327	HCSPVZV I431	VZV IgG			Hộp 100 test	Test	1			
432	Phần 328	HCSPVZV I432	VZV IgM			Hộp 50 test	Test	1			
433	Phần 329	HCSPWash/433	Wash/System Liquid			6x1L/box	ml	1			
434	Phần 330	HCSPWIDAL 434	WIDAL (Febrile Antigen + Controls)			Bộ/30ml	Bộ				
435	Phần 331	HCSPXylen435	Xylen			Chai 500ml	ml	6			

XVII: Hóa chất chẩn đoán SARS-COV-2

436	Phần 332	HCSPRdRP_436	RdRP_SARSr- F2			Lượng đầu vào: 200 nmol/ Ống	Ống				
437		HCSPRdRP_437	RdRP_SARSr- R1			Lượng đầu vào: 200 nmol/ Ống	Ống				
438		HCSPRdRP_438	RdRP_SARSr- P2			Lượng đầu vào: 200 nmol/ Ống	Ống				
439	Phần 333	HCSP_E_Sar439	E_Sarbeco_F1			Lượng đầu vào: 200 nmol/ Ống	Ống				
440		HCSP_E_Sar440	E_Sarbeco_R2			Lượng đầu vào: 200 nmol/ Ống	Ống				
441		HCSP_E_Sar441	E_Sarbeco_P1			Lượng đầu vào: 200 nmol/ Ống	Ống				
442	Phần 334	HCSPBộ kit442	Bộ kit tách chiết thủ công RNA bằng phương pháp cột lọc				test	không phân nhóm			
443	Phần 335	HCSPBộ kit443	Bộ kit tách chiết thủ công RNA/DNA bằng phương pháp cột lọc				test				
444	Phần 336	HCSPBộ kit444	Bộ kit xét nghiệm SARS-CoV-2				test	4			
445	Phần 337	HCSPContr445	Control SARS-CoV-2 Ag			2x2.7mL + 2x2.7mL	ml	3			
446	Phần 338	HCSPContr446	Control SARS-CoV-2 IgM			2x2x0.9mL	ml	3			
447	Phần 339	HCSPDung 447	Dung dịch khử nhiễm DNA/RNA			Lọ	Lọ				
448	Phần 340	HCSPDung 448	Dung dịch khử trùng bề mặt đồ sử dụng chống lại SARS-CoV-2			Chai phun/750ml	ml				
449	Phần 341	HCSPMixin449	Mixing Sleeves (ống trộn thuốc thử)			20 chiếc/hộp	Hộp	6			
450	Phần 342	HCSPMôi t450	Môi trường vận chuyển Vi rút			Hộp 50 ống	Ống	4			
451	Phần 343	HCSPNước 451	Nước sinh học phân tử			Lọ 100ml	Lọ				

[illegible]